TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2019/DS-PT
Ngày 12 - 3 - 2019
"V/v yêu cầu chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Ông Vi Văn Chắt

Ông Nguyễn Đức Thi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:
Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 74/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Quang H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: + Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1977;

+ Chị Vũ Hoàng Bảo A (con đẻ bà P), sinh năm 2001.

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của chị A là bà P (mẹ đẻ chị A).

+ Chị Vũ Thị Như N (con đẻ bà P), sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chị A và chị N đều vắng mặt; bà P có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1967 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 8, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm Đô, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2018 và các bản khai cũng như quá trình xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Vũ Quang H trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Vũ Hồng Cẩm và cụ Trương Thị S có 03 con chung là bà Vũ Thị Th, ông Vũ Ngọc S và ông Vũ Quang H, hai cụ không ai có con riêng và không có con nuôi. Cụ C chết ngày 01 tháng 8 năm 2004, bà T chết ngày 20 tháng 12 năm 2009, cụ S chết ngày 25 tháng 7 năm 2013, ông S chết ngày 18 tháng 7 năm 2016. Bà T có chồng là ông Nguyễn Trung L và có 02 con là chị Nguyễn Thị Thu H và chị Nguyễn Thị V. Ông Sơn có vợ là bà Hoàng Thị P và có 02 con là chị Vũ Thị Như N và chị Vũ Hoàng Bảo A. Sau khi cụ Cẩm và cụ Sáng qua đời có để lại số tài sản sau:

- Một mảnh đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trương Thị S, mã số BN 108424, số vào sổ CH 00715 do Ủy ban nhân dân thị xã Thái Hòa cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013 tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 52, diện tích 1059,5 m^2; địa chỉ tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An;

- Một căn nhà nhỏ cấp bốn (nhà trên) có diện tích 44,46 m^2 được xây dựng năm 1980 có 03 gian, xây bằng đá ong, lợp ngói, đã xuống cấp trầm trọng;

- Một căn nhà cấp bốn (nhà ngang), diện tích 24,6 m^2, 02 gian được xây bằng đá ong, lợp ngói, xây dựng năm 1990 đã xuống cấp.

Ngoài ra, cụ C và cụ S không để lại bất cứ tài sản gì khác. Nay, ông H yêu cầu chia thừa kế số tài sản nhà đất nêu trên theo quy định pháp luật vì bố mẹ ông chết không để lại di chúc và đề nghị chia 03 phần bằng nhau cho 03 người con của hai cụ. Phần bà T được hưởng do bà T đã chết nên chia cho chồng và con bà T nhưng chồng và con bà T đã nhường lại cho ông H thì ông H xin nhận, Đồng thời, ông H xin nhà và đất để ở và trích phần di sản của những người thừa kế khác được hưởng bằng tiền vì mảnh đất không chia được, sẽ ảnh hưởng đến việc sinh sống của các đồng thừa kế đang sử dụng.

Ngoài ra, trên diện tích đất của cụ C và cụ S để lại có một chuồng xây nuôi rắn, diện tích 20 m^2, xây bằng táp lô, lợp pờ rô xi măng, xây dựng năm 2004 do ông S và bà P xây dựng. Nay, ông H trình bày đó là tài sản riêng của bà P nên tùy bà P quyết định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hoàng Thị P trình bày:

Bà P thống nhất với trình bày của ông H về di sản thừa kế và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ S, đồng thời, đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật vì hai cụ chết không để lại di chúc. Theo quy định pháp luật thì di sản của cụ C và cụ S để lại được chia 03 phần bằng nhau cho 03 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên ông S chồng bà được hưởng 1/3 diện tích đất (khoảng 333,7 m^2) và tài sản trên đất là nhà trên và nhà ngang. Bà P yêu cầu Tòa án chia thừa kế bằng đất và trong khoảng 333 m^2 đất đó là phần của ông Sơn được hưởng, bà xin nhận 1/3 phần bà được hưởng; 1/3 phần của con bà là chị Vũ Hoàng Bảo A nhường lại cho bà. Còn 1/3 là phần của chị Vũ Thị Như N thì giao cho chị N sử dụng. Bà P yêu cầu chia dọc diện tích đất và bà xin nhận phần giữa thửa đất chứ không đồng ý chia giá trị tài sản bằng tiền như yêu cầu của ông H, 01 gian nhà xây làm chuồng rắn xây dựng năm 2004 trên đất của cụ C, cụ S thì bà P không nhận lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Hoàng Bảo A vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và người đại diện hợp pháp là bà Hoàng Thị P trình bày: Chị A thống nhất như trình bày của bà P và đồng ý nhường phần thừa kế được hưởng cho mẹ là bà P và yêu cầu chia bằng đất chứ không đồng ý chia giá trị bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Như N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị thống nhất với ý kiến trình bày của bà P và xin nhận phần thừa kế mà mình được hưởng.

Chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị thống nhất với ý kiến của ông H về di sản thừa kế và những người được thừa kế. Chị V, ông Lộc và chị Hằng đều đồng ý nhường phần thừa kế cho ông Vũ Quang H và yêu cầu chia giá trị tài sản bằng tiền vì nếu chia đất thì vợ chồng con cái ông H không có nơi để ở. Chị V còn trình bày cụ C và cụ S có một số tài sản khác nữa, hiện giá trị không đáng kể nên không yêu cầu chia thừa kế.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 609, 613, 469, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Vũ Quang H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Hồng C và cụ Trương Thị S; giao cho ông Vũ Quang H được quyền sử dụng một mảnh đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trương Thị S, mã số BN 108424, số vào sổ CH 00715 do Ủy ban nhân dân thị xã Thái Hòa cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013 tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 52, diện tích 1059,5 m^2; địa chỉ tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An, trị giá 68.729.400 đồng và sở hữu một căn nhà nhỏ cấp bốn (nhà trên) có diện tích 44,46 m^2 được xây dựng năm 1980 có 03 gian, xây bằng đá ong, lợp ngói, đã

xuống cấp, trị giá 15.000.000 đồng và một căn nhà cấp bốn (nhà ngang), diện tích 24,6 m^2, 02 gian được xây bằng đá ong, lợp ngói, xây dựng năm 1990 đã xuống cấp, trị giá 4.000.000 đồng

Tổng giá trị di sản ông H được nhận là 87.729.400 đồng.

Ông H có nghĩa vụ phải giao trả lại cho bà Hoàng Thị P số tiền 19.495.400 đồng và trả cho chị Vũ Thị Như N số tiền 9.747.700 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 10 năm 2018, bị đơn bà Hoàng Thị P kháng cáo không đồng ý cách chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản cho bà bằng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị P giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn ông Vũ Quang H không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 294 và Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt một số bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên phiên tòa tiếp tục theo quy định pháp luật. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị P kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị P, sửa bản án sơ thẩm; chia cho bà P phần đất có chiều rộng khoảng 10 mét, chiều dài cho đến khi đủ diện tích 235 m^2 hoặc đo đến giáp nhà ông H (nếu chưa đủ diện tích 235 m^2 thì cần buộc ông H phải trích giá trị bằng tiền tương đương phần đất còn thiếu). Đối với phần di sản chị N được hưởng, do chị N không kháng cáo nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc chia di sản thừa kế cho chị N bằng tiền. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về phần quyết định nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định

giá; phần quyết định về án phí đối với chị Vũ Thị Như N đã ghi sai tên nên cần sửa lại cho đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số đương sự nhưng đây là phiên tòa lần thứ 03, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ. Mặc khác, tại phiên tòa, những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Vũ Quang H khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 52, diện tích 1059,5 m^2; địa chỉ tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 108424, số vào sổ CH 00715 do Ủy ban nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013 mang tên cụ Trương Thị S và tài sản trên đất là 02 ngôi nhà có diện tích 44,46 m^2 và 24,6 m^2; chia bằng hiện vật và giao toàn bộ diện tích đất cho ông H. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế, giao toàn bộ di sản thừa kế cho ông H và buộc ông H phải trích giá trị chênh lệch cho bà P và chị N. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và chia phần đất di sản thừa kế được hưởng cho bà được quyền sử dụng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị P:

Trong quá trình sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận thửa đất số 95, tờ bản đồ số 52, diện tích 1059,5 m^2; địa chỉ tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An và 02 ngôi nhà trên đất là di sản thừa kế của cụ C và cụ S để lại. Hai cụ chết không để lại di chúc nên đề nghị Tòa án phân chia di sản theo pháp luật. Một số di sản khác có giá trị không lớn nên các đồng thừa kế không yêu cầu chia. Các đương sự cũng thống nhất về những người có quyền thừa kế, không ai có tranh chấp hay khiếu nại gì. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia di sản thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị đơn bà Hoàng Thị P nhất trí khối di sản thừa kế và phần di sản Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà nhưng bà không nhất trí chia bằng tiền mà đề nghị chia cho bà bằng hiện vật, chia thửa đất theo chiều dọc để bà P được quyền sử dụng một phần đất. Xét thấy, tuy diện tích thửa đất là tương đối lớn nhưng là một hình đa giác gồm 09 cạnh, căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và kết quả đo vẽ thì thửa

đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất của nhà bà L, phía Tây giáp đất của nhà ông L, phía Bắc giáp đất nông nghiệp của xóm và phía Nam giáp đường xóm. Phần rộng nhất của chiều ngang thửa đất chỉ là 19,55 mét. Nếu tiến hành chia di sản bằng hiện vật, giao cho các đồng thừa kế sử dụng một phần diện tích đất sẽ làm ảnh hưởng đến giá trị sử dụng, không bảo đảm về hình thể diện tích đất được giao, gây khó khăn trong quá trình bảo quản, sử dụng hiệu quả thửa đất. Cụ thể: Nếu chia theo chiều dọc thửa đất như yêu cầu của bà P thì phải phá dỡ toàn bộ nhà trên và nhà ngang do cụ C và cụ S để lại, hiện tại vợ chồng, con cái ông H đang ở, không có nơi ở khác. Nếu chia thành 03 phần theo chiều ngang thửa đất thì không có lối đi vào cho các phần đất phía sau vì thửa đất này giáp với đất của các gia đình khác. Do đó, cần giao toàn bộ diện tích đất cho một đồng thừa kế quản lý, sử dụng và buộc người được giao trích giá trị chênh lệch được hưởng cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nhu cầu thực tế và hoàn cảnh của các đồng thừa kế thì hiện tại gia đình ông Vũ Quang H đang sinh sống trên thửa đất và điều kiện gia đình có khó khăn. Bà Hoàng Thị P đã có một thửa đất, trên đó có một ngôi nhà ở 03 tầng nằm cạnh mặt đường Quốc lộ 48. Do đó, cần giao toàn bộ di sản thừa kế nhà đất của cụ C và cụ S cho ông H quản lý, sử dụng và buộc ông H có trách nhiệm trích giá trị chênh lệch di sản được hưởng cho các đồng thừa kế khác là hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật.

Từ những lập luận và phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị P và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị P kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

[9] Ngoài ra, về phần chi phí xem xét, thẩm định tài sản, nguyên đơn anh Vũ Quang H tự nguyện chịu, nay không cần phải giải quyết. Đối với phần án phí sơ thẩm ghi tên chị Vũ Thị N là sai chính tả nên cần sửa lại là Vũ Thị Như N cho chính xác như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[10] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Áp dụng các Điều 609, 613, 469, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Vũ Quang H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Hồng C và cụ Trương Thị S; giao cho ông Vũ Quang H được quyền sử dụng một mảnh đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trương Thị S, mã số BN 108424, số vào sổ CH 00715 do Ủy ban nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013 tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 52, diện tích 1059,5 m^2; địa chỉ tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An, trị giá 68.729.400 đồng và sở hữu một căn nhà nhỏ cấp bốn (nhà trên) có diện tích 44,46 m^2 được xây dựng năm 1980 có 03 gian, xây bằng đá ong, lợp ngói, đã xuống cấp, trị giá 15.000.000 đồng và một căn nhà cấp bốn (nhà ngang), diện tích 24,6 m^2, 02 gian được xây bằng đá ong, lợp ngói, xây dựng năm 1990 đã xuống cấp, trị giá 4.000.000 đồng.

Tổng giá trị di sản ông H được nhận là 87.729.400 đồng (Tám mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm đồng).

Ông H có nghĩa vụ phải giao trả lại cho bà Hoàng Thị P số tiền 19.495.400 đồng (Mười chín triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng) và trả cho chị Vũ Thị Như N số tiền 9.747.700 đồng (Chín triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng).

Ông Vũ Quang H có trách nhiệm, nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

+ Buộc ông Vũ Quang H phải chịu 2.924.340 đồng (Hai triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 1.718.300 đồng (Một triệu, bảy trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006470 ngày 23 tháng 5 năm 2018. Ông H còn phải nộp 1.206.040 đồng (Một triệu, hai trăm linh sáu nghìn, không trăm bốn mươi đồng) số tiền còn thiếu;

+ Buộc bà Hoàng Thị P phải chịu 974.770 đồng (Chín trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm;

+ Buộc chị Vũ Thị Như N phải chịu 487.385 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000441 ngày 06 tháng 11 năm 2018.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phồn